

Bản án số: 84 /2023/DS-PT

Ngày: 14/12/2023

“Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Tạ Duy Ước**

Các Thẩm phán: ông **Bùi Đức Thanh**

ông **Nguyễn Hồng Ánh**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lê Xuân Duy** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: bà **Nguyễn Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08 đến 14/12/2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2023/QĐ-PT ngày 06/11/2023; Thông báo chuyển lịch xét xử số 170/TB-TA ngày 20/11/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 158/QĐ-PT ngày 30/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1)**

Địa chỉ trụ sở: **số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: ông **Ngô Chí D** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: ông **Phạm Tuấn A** - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý.

Người được ủy quyền lại: ông **Vương Văn T**, ông **Nguyễn Quang H**, ông **Đình Công Đ**, cán bộ xử lý nợ **Ngân hàng V2**.

Bị đơn: bà **Bùi Thị Kim H1**, sinh năm 1962. Nơi thường trú: **khu D, thị trấn C,**

huyện C, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: khu G phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Người kháng cáo: bị đơn bà **Bùi Thị Kim H1**

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn* **Ngân hàng TMCP V** có quan điểm khởi kiện: ngày 14/01/2021, **Ngân hàng TMCP V** ký Hợp đồng cho vay số LN2012293220005 giải ngân theo số LD2101901441 với bà **Bùi Thị Kim H1** có nội dung sau đây: khoản vay theo Hợp đồng cho vay số: LN2012293220005 ký ngày 14/01/2021 (giải ngân theo số LD2101901441), cụ thể như sau: số tiền vay vốn: 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng chẵn); mục đích vay: hoàn tiền mua bất động sản tại thửa đất số 97, tờ bản đồ 5H-I-48; tại địa chỉ: **số E ngõ E G, G, H, Hà Nội**. Thời hạn vay: 190 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày bên ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay. Lãi suất cho vay, phương thức điều chỉnh lãi suất; các kỳ hạn trả nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết. Khoản vay theo Hợp đồng thẻ tín dụng số: 379-P-6554390 ngày 28/01/2021, cụ thể như sau: hạn mức thẻ tín dụng: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); mục đích vay: vay tiêu dùng; lãi suất cho vay, phương thức điều chỉnh lãi suất; các kỳ hạn trả nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà **Bùi Thị Kim H1** đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 5H-I-48; Địa chỉ thửa đất: **số E ngõ E G, G, H, Hà Nội** theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CQ 158888, Sổ vào sổ cấp GCN: CS 47575 do **Sở tài nguyên và Môi trường thành phố H** cấp ngày 12/11/2019, đứng tên bà **Bùi Thị Kim H1**. Tài sản được thế chấp tại **V2** theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LN2012293220005 ngày 14/01/2021 giữa **V2** với bà **Bùi Thị Kim H1** – Số công chứng: 223/2021; Quyền số 01-2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/01/2021 tại **Văn phòng C** Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà **Bùi Thị Kim H1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ **Ngân hàng V2** kể từ ngày 15/01/2022. **V2** đã nhiều lần tiến hành đôn đốc yêu

cầu bà **Bùi Thị Kim H1** thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng quy định nhưng bà **Bùi Thị Kim H1** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

**Ngân hàng TMCP V (V2)** yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Buộc bà **Bùi Thị Kim H1** phải thanh toán cho **V2** toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tạm tính đến ngày 31/07/2023 tổng số tiền bà **Bùi Thị Kim H1** đã thanh toán cho **V2** là: tiền gốc: 0 đồng, tiền lãi: 865.389.306 đồng, tiền phạt: 0 đồng. Tạm tính đến ngày 31/07/2023 tổng số tiền bà **Bùi Thị Kim H1** còn nợ **Ngân hàng V2** là: 11.088.629.419 đồng, trong đó nợ gốc là; 8.098.724.026 đồng, nợ lãi: 2.982.054.262 đồng (bao gồm lãi trong hạn là 82.183.297 đồng, lãi quá hạn là 2.899.870.965 đồng), tiền phạt: 7.851.131 đồng, cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay số LN2012293220005 ký ngày 14/01/2021 giải ngân theo số LD2101901441 số tiền còn nợ: tiền gốc: 8,000,000,000 đồng, tiền lãi: 2,669,810,694 đồng, tiền phạt: 7,851,131 đồng. Hợp đồng thế tín dụng số: 379-P-6554390 ngày 28/01/2021: tiền gốc: 98,724,026 đồng, tiền lãi: 84,901,619 đồng. Số tiền phát sinh cơ cấu nợ ngày 25/09/2021: tiền gốc: 0 đồng, tiền lãi cơ cấu nợ: 227.341.949 đồng, tiền phạt: 0 đồng.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà **Bùi Thị Kim H1** thực tế thanh toán hết nợ cho **V2**. Trường hợp bà **Bùi Thị Kim H1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì **V2** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi vốn vay. Trường hợp số tiền thu được từ tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ thì Bà **Bùi Thị Kim H1** còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP V** cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

**Bị đơn bà Bùi Thị Kim H1 có lời khai xác nhận** về quá trình kí kết Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, Hợp đồng thế chấp như lời khai của **ngân hàng V2**. Sau khi ký kết hợp đồng, bà **H1** luôn thực hiện đúng theo hợp đồng với Ngân hàng, không có bất kỳ vi phạm nào. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và yêu cầu chuyển vụ án về Tòa án thành phố Hà Nội giải quyết.

Ngày 06/4/2023, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp tại **Ngân hàng TMCP V**. Tài sản: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 97, tờ bản đồ số 5

H- I- 48, địa chỉ: số E, ngõ E, đường G, phường G, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy CNQSDĐ số CQ 158888, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS 47575 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 12/11/2019.

Phần xem xét, thẩm định tại chỗ: diện tích nhà và đất nằm tại mặt ngõ E, đường G về phía tay phải. Trước mặt nhà là vỉa hè rộng lớn hơn 4m.

Mặt tiền nhà hướng phía Bắc, 3 mặt còn lại giáp các nhà dân. Nhà mang biển số 56, phía ngoài là cửa cuốn, có 2 trụ ốp đá hai bên; phía trên có ô văng đua ra mặt ngõ rộng 80 cm. Trên ô văng nhựa thành phòng ngủ ở lợp mái tôn. Quan sát nhà bên cạnh thấy: phía ngoài là phần nhà xây 2 tầng, 01 tum. Do nhà đóng cửa nên không quan sát được bên trong. Phần nhà 2 tầng phía ngoài có một phần xây tường gạch ở giữa 2 phần nhà 2 tầng và 3 tầng. Còn phần tầng 2 ở phía ngoài làm tạm, quây xung quanh bằng lưới B 40, mái tôn. Kiểm tra kích thước mặt tiền nhà rộng 4,05 m (có ảnh chụp kèm theo).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V. Chấm dứt Hợp đồng cho vay số: LN 2012293220005 ngày 14/01/2021; giữa Ngân hàng TMCP V chi nhánh K, quận Đ, thành phố Hà Nội với bà Bùi Thị Kim H1

Bà Bùi Thị Kim H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 31/07/2023 theo Hợp đồng cho vay số: LN 2012293220005 ngày 14/01/2021 là: 11.088.629.419 đồng (mười một tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm mười chín đồng). Trong đó nợ gốc là: 8.098.724.026 đồng, nợ lãi: 2.982.054.262 đồng (bao gồm lãi trong hạn là 82.183.297 đồng, lãi quá hạn là 2.899.870.965 đồng), tiền phạt: 7.851.131 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm trả, về quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ, về trường hợp xử lý tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ, về chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/8/2023 bị đơn là bà Bùi Thị Kim H1 có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chuyển vụ án về Tòa

án tại nơi có nhà đất đang thế chấp tại Hà Nội để giải quyết theo thẩm quyền và yêu cầu cung cấp tài khoản thế tín dụng cho bị đơn. Về nợ gốc và nợ lãi: bị đơn thừa nhận nợ gốc và nợ lãi như ngân hàng trình bày, đối với nợ thế tín dụng thì bị đơn đã rút tiền và đã cho cháu của bị đơn quản lý sử dụng. Về tài sản thế chấp bị đơn đề nghị được tự bán, khi nào bán được sẽ trả nợ cho Ngân hàng. Nguyên đơn có quan điểm: Đề nghị bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế tín dụng như bảng kê chi tiết các khoản nợ mà Ngân hàng đã tính theo bảng kê được nộp tại phiên tòa phúc thẩm và xử lý tài sản thế chấp theo quy định. Tại phần tranh luận, các đương sự giữ nguyên quan điểm như đã trình bày như trên và không có ý kiến đối đáp.

Đại diện viện kiểm sát có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Về tố tụng, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm về tính lãi của thế tín dụng; không chấp nhận cơ cấu nợ lãi với số tiền 227.341.947đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**[1] Về tố tụng:** Kháng cáo của bị đơn được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và trong hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

**[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn, xét thấy:**

Hợp đồng cho vay số LN 2012293220005 ngày 14/01/2021; khoản vay theo Hợp đồng thế tín dụng số: 379-P-6554390 ngày 28/01/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LN2012293220005 ngày 14/01/2021 giữa Ngân hàng TMCP V với bà Bùi Thị Kim H1 được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật có hiệu lực pháp luật.

**2.1 Xem xét quá trình thực hiện hợp đồng cho vay số LN 2012293220005 ngày 14/01/2021:**

Khi ký kết hợp đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 11%/ năm, ngoài ra còn thỏa thuận về cơ chế điều chỉnh lãi cho vay trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả. Sau khi ký kết hợp đồng, ngày

19/01/2021 ngân hàng giải ngân số tiền 8.000.000.000đ (tám tỷ đồng) theo đề nghị giải ngân của bà H1 và được thể hiện ở sổ phụ kiêm báo có báo nợ kỳ sao kê từ 07/01/2021 đến 07/07/2022. Tại khoản 2 Điều 2 Hợp đồng các bên thỏa thuận thời hạn vay là 190 tháng (Tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên). Tại khoản 6 Điều 2 Hợp đồng cho vay có thỏa thuận phương thức trả nợ gốc là “...trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15... kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/01/2021, tổng cộng gồm 178 kỳ...” và thỏa thuận phương thức trả nợ lãi là “...trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15... kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 15/02/2021”, đến ngày 19/11/2036 là thời hạn trả kỳ nợ cuối cùng của khoản vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà H1 đã trả được 865.389.306đ tiền nợ lãi nhưng từ ngày 15/01/2022 đến nay bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ tại Hợp đồng tín dụng hai bên ký kết. Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 2, khoản 2 Điều 5 Hợp đồng cho vay thì Ngân hàng V2 có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của bên vay và có quyền khởi kiện yêu cầu bà H1 phải trả cả tiền gốc và tiền lãi trước thời hạn là đúng với thỏa thuận của các bên.

+ Xét về số dư nợ gốc: Bà H1 thừa nhận đã vay 8.000.000.000đ nợ gốc là đúng thực tế, thời điểm bắt đầu phải trả kỳ gốc đầu tiên, bà H1 đã không thực hiện trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, bà H1 có nghĩa vụ phải trả toàn bộ nợ gốc 8.000.000.000đ là phù hợp với hợp đồng và pháp luật.

+ Đối với số tiền lãi quá hạn: kể từ ngày 15/01/2022 bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V2 quyết định thu hồi toàn bộ khoản nợ, chuyển toàn bộ khoản nợ gốc còn lại thành nợ gốc quá hạn và tính lãi quá hạn trên toàn bộ số dư nợ gốc trước hạn là phù hợp với Thông báo số 16097/2021/TB-LCC-PUNKHCNMB 01 ngày 03/3/2021 và biên bản làm việc ngày 04/3/2022 với nội dung yêu cầu bà H1 thanh toán toàn bộ khoản vay trước ngày 10/4/2022. Ngân hàng tính lãi quá hạn đối với khoản vay của bà H1 với mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 15/01/2022. Việc tính lãi này là đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên trong hợp đồng nên có cơ sở chấp nhận.

+ Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: theo quy định tại điểm e khoản 7 Điều 2 Hợp đồng tín dụng thì lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi

chậm trả bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Quy định trên của hợp đồng tín dụng là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên việc tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập các tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân được ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh để làm căn cứ xem xét việc tính lãi trong hạn của khoản vay này để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LN 2012293220005 ngày 14/01/2021 là chưa đảm bảo. Đối chiếu với các tài liệu mà ngân hàng cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, tại bảng kê tính gốc lãi tính đến ngày 31/7/2023 mà ngân hàng đã cung cấp tại cấp sơ thẩm thì tại các kỳ từ 01/4/2022 đến 30/6/2022; từ 01/7/2022 đến 30/9/2022; từ 01/01/2023 đến 31/03/2023; từ 01/4/2023 đến 30/6/2023; từ 01/7/2023 đến 31/7/2023 thì ngân hàng áp dụng lãi trong hạn là chưa chính xác theo thỏa thuận đã ký trong hợp đồng về cơ chế điều chỉnh lãi suất trong hạn (bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ được ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,8%/năm). Để đảm bảo quyền lợi của các bên cấp phúc thẩm sẽ sửa nội dung này của bản án sơ thẩm. Theo đó tổng dư nợ của bà **H1** đối với hợp đồng cho vay số LN 2012293220005 ngày 14/01/2021 được tạm tính đến ngày 31/7/2023 là **10.622.815.953đ**, trong đó: Tiền gốc: 8.000.000.000đ; Tiền lãi trong hạn: 152.876.712 đ; Tiền Lãi quá hạn: 2,457,262,749đ; Tiền lãi chậm trả: 12.676.492đ.

## ***2.2 Xem xét Hợp đồng thẻ tín dụng số: 379-P-6554390 ngày 28/01/2021***

**V2** phát hành thẻ tín dụng hạng Platium Mastercard theo cho bà **H1** theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử với hạn mức 100.000.000đ; mục đích: phục vụ nhu cầu đời sống; lãi suất trong hạn 2,79%/tháng tại thời điểm ký kết ( theo Quyết định số 354/2019/QĐ-TGD ngày 31/5/2019 vv ban hành điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng khối khách hàng cá nhân) và điều chỉnh lãi suất 2,99%/ tháng (theo quyết định

số 800/2022/QĐ-GĐK ngày 20/10/2022 vv ban hành điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng khối khách hàng cá nhân ).

- Về tính lãi thẻ tín dụng: Thẻ tín dụng được mở ngày 28/1/2021; ngày quá hạn là ngày 13/01/2022 với số tiền gốc đã giao dịch thực tế được tính quá hạn là 98.724.026đ. Căn cứ vào bảng điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ thấy: Ngân hàng thỏa thuận tính lãi trong hạn, lãi quá hạn theo phương pháp: Số tiền lãi = Số dư thực tế \* số ngày duy trì số dư thực tế \* lãi suất tính lãi/365 ngày. Theo đó số dư thực tế là số dư cuối ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn mà chủ thẻ còn phải trả cho Ngân hàng được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận. Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định: bà **H1** vi phạm về thời hạn thanh toán và thời hạn trả lãi từ ngày 13/01/2022 do đó số tiền này bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 13/01/2022 và tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/7/2023 là nợ quá hạn 565 ngày. Căn cứ theo hợp đồng giữa Ngân hàng và bà **H1** đã ký thì Ngân hàng tính lãi suất và khoản lãi phạt chậm thanh toán theo từng tháng và tiền lãi này lại tiếp tục cộng vào số tiền giao dịch của bà **H1** để tính lãi, mặc dù thỏa thuận này của hợp đồng được hai bên tự nguyện thực hiện và ký kết, Điều 91 Luật tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư 19 của **Ngân hàng N** quy định về hoạt động thẻ ngân hàng có quy định lãi suất do chủ phát hành thẻ và khách hàng được tự thỏa thuận tuy nhiên các thỏa thuận này phải tuân theo quy định pháp luật. Việc tính lãi của ngân hàng đối với khoản vay thẻ tín dụng này là trái với khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự. Bản án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ngân hàng đối với hợp đồng thẻ tín dụng buộc bà **H1** phải thanh toán số tiền 183.625.645đ ( trong đó tiền gốc: 98.724.026 đồng, tiền lãi: 84.901.619 đồng) là không có cơ sở. Do đó cần chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về việc tính lãi suất theo công thức: **số tiền giao dịch (nợ gốc) x số ngày quá hạn x lãi suất theo thời kỳ/365**, cụ thể số tiền bà **H1** phải trả theo Hợp đồng tín dụng là: **164.442.635 đ** (trong đó tiền gốc là 98.724.026 đ và tiền lãi 65.718.610 đ)

**2.3 Đối với khoản vay cơ cấu nợ giải ngân theo số LD2126801008 ngày 25/09/2021:** theo như nguyên đơn khai là trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay đã ký kết, do ảnh hưởng của dịch covid nên bà **H1** đã gọi điện lên tổng đài của **V2** đề nghị cơ cấu lại thời gian trả nợ lãi của hợp đồng, **V2** đã tạo điều kiện để khách hàng cơ cấu lại thời gian trả nợ 03 tháng trả lãi từ ngày 25/9/2021



đến ngày 15/11/2021 để khách hàng không bị chuyển nợ xấu, có thêm thời gian thu xếp trả nợ. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được hồ sơ xét duyệt khoản vay cơ cấu nợ vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 6 bảng Điều kiện giao dịch chung về cho vay có tài sản đảm bảo áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay từng lần và/ hoặc vay theo hạn mức tại **V2** áp dụng từ 17/8/2020 quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và xem xét lại hạn mức cho vay, theo đó trường hợp bà **H1** được **V2** đồng ý cơ cấu thời hạn trả nợ, **V1** và bà **H1** phải cùng ký kết văn bản thỏa thuận để ghi nhận về lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ và các điều kiện, điều khoản liên quan. Ngoài ra **V2** còn không cung cấp được các chứng từ đã giải ngân khoản tiền cơ cấu nợ cho bà **H1**. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là không có căn cứ.

**2.4. Xét yêu cầu chuyển hồ sơ lên tòa án nhân dân thành phố Hà Nội của bị đơn:** Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng nên Nguyên đơn khởi kiện tại nơi cư trú, địa chỉ của bị đơn được ghi trong hợp đồng xác định bị đơn cư trú tại **Q, tỉnh Quảng Ninh** nên thuộc thẩm quyền Tòa án nơi bị đơn cư trú giải quyết là đúng quy định nên không chấp nhận quan điểm về yêu cầu chuyển vụ án của bà **H1**.

Ngoài ra xem xét phần tuyên án, bản án sơ thẩm chỉ tuyên nghĩa vụ trả nợ của nguyên đơn theo hợp đồng cho vay và chưa xác định với hợp đồng thẻ tín dụng là chưa đầy đủ, cấp phúc thẩm sẽ sửa nội dung này cho đúng quy định.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở xác định việc Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đúng quy định nên có đủ cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và sửa bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đương sự.

**[3] Về án phí phúc thẩm:** Do kháng cáo của bà **H1** được chấp nhận 1 phần nên bà **H1** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 313, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà **Bùi Thị Kim H1**. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 298; Điều 299; 317; 318; 319; 323; khoản 4 Điều 422; Điều 303; Điều 463; Điều 357; khoản 1 Điều 466; Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự. Điểm a, d khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự

Căn cứ Điều 91; Điều 92, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V**.

Chấm dứt Hợp đồng cho vay số LN 2012293220005 ngày 14/01/2021 và Hợp đồng thế tín dụng số 379-P-6554390 ngày 28/01/2021 giữa **Ngân hàng TMCP V chi nhánh K, quận Đ, thành phố Hà Nội** với bà **Bùi Thị Kim H1**

Bà **Bùi Thị Kim H1** phải trả cho **Ngân hàng TMCP V** tổng số tiền tính đến ngày 31/07/2023 là 10,787,258,589 đồng (Mười tỷ bảy trăm tám mươi bảy triệu hai trăm năm mươi tám nghìn năm trăm tám mươi chín đồng). Cụ thể theo Hợp đồng cho vay số: LN 2012293220005 ngày 14/01/2021 là 10.622.815.953đ (trong đó tiền gốc: 8.000.000.000đ; Tiền lãi trong hạn: 152.876.712đ; Tiền lãi quá hạn: 2,457,262,749đ; Tiền lãi chậm trả: 12.676.492đ) và Hợp đồng thế tín dụng số 379-P-6554390 ngày 28/01/2021 là: 164.442.635 đồng (trong đó tiền gốc là 98.724.026 đ và tiền lãi 65.718.610 đ)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà **Bùi Thị Kim H1** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: LN 2012293220005 ngày 14/01/2021 và Hợp đồng thế tín dụng số 379-P-6554390 ngày 28/01/2021 giữa **Ngân hàng TMCP V** và bà **Bùi Thị Kim H1**.

Trường hợp bà **Bùi Thị Kim H1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng TMCP V** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất diện tích 113.3m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 5H-I-48; địa chỉ thửa đất: **số E ngõ E G, G, quận H, thành phố Hà Nội** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 158888, số vào sổ cấp GCN: CS 47575 do **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H** cấp ngày 12/11/2019, đứng tên bà **Bùi Thị Kim H1** theo Hợp đồng thế

chấp quyền sử dụng đất số: LN2012293220005 ngày 14/01/2021 giữa **V2** với bà **Bùi Thị Kim H1** – Số công chứng: 223/2021; Quyền số 01-2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/01/2021 tại **Văn phòng C1** để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, thì bà **Bùi Thị Kim H1** còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần V** cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

2. Bác yêu cầu của **Ngân hàng TMCP V** về việc buộc bà **Bùi Thị Kim H1** phải trả số tiền lãi cơ cấu nợ 227.341.949 đồng.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà **Bùi Thị Kim H1** phải trả cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ: 5.000.000 đ (năm triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền 5.000.000 đ (năm triệu đồng) phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: bà **Bùi Thị Kim H1** không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Trả lại bà **H1** số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010364 ngày 22/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

**Ngân hàng TMCP V** phải chịu 15.068.542 đ (mười lăm triệu không trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng) tiền án phí được trừ vào số tiền 58.000.000 đ (năm mươi tám triệu đồng) tạm ứng **Ngân hàng TMCP V** đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00.10.115 ngày 31/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã Quảng Yên;
- THA, VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Duy Ước**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NINH**

Số: 01/QĐ-SCBSBA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN PHỨC THẨM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
- Xét thấy cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi rõ ràng về số liệu do nhầm lẫn trong Bản án số 84/2023/DS-PT ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V2)**

Địa chỉ trụ sở: **số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội**. Người đại diện theo pháp luật: ông **Ngô Chí D** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: ông **Phạm Tuấn A** - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý; Người được ủy quyền lại: ông **Vương Văn T**, ông **Nguyễn Quang H**, ông **Đình Công Đ**, cán bộ xử lý nợ **Ngân hàng V2**.

Bị đơn: bà **Bùi Thị Kim H1**, sinh năm 1962. Nơi thường trú: **khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Ninh**. Nơi cư trú: **khu G phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Sửa chữa, bổ sung Bản án số 84/2023/DS-PT ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh như sau:**

-Tại dòng thứ 2 từ trên xuống trang số 9 của bản án ghi “bà **H1** phải trả theo Hợp đồng tín dụng là: **164.442.635 đ...**”

**Nay sửa chữa như sau:** “ bà **H1** phải trả theo Hợp đồng tín dụng là: **164.442.636 đ...**”.

-Tại dòng thứ 7 từ dưới lên trang số 10 của bản án ghi “164.442.635 đồng (trong đó tiền gốc là 98.724.026 đ và tiền lãi 65.718.610 đ)”

**Nay sửa chữa như sau:** “164.442.636 đồng (trong đó tiền gốc là 98.724.026 đ và tiền lãi 65.718.610 đ)”

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã Quảng Yên;
- THA, VP;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Duy Ước**